

Bản án số: 16 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/01/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đoan Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tịnh;

2. Bà Nguyễn Ngọc Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 228/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Ngọc Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: 242/17A đường B, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Nguyễn Bảo T, sinh năm 1981; địa chỉ: 80/28D đường L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 20/5/2021, các bản tự khai và biên bản hòa giải, ông Trương Ngọc Đ trình bày như sau:

Ông Trương Ngọc Đ và bà Võ Nguyễn Bảo T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113, quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2011. Vợ chồng chung sống chưa có con chung.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế. Nguyên nhân mâu thuẫn do không phù hợp tính tình, vợ chồng không thể nói chuyện với nhau. Nay ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn vì vậy ông yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 11 giải quyết cho ly hôn với bà Võ Nguyễn Bảo T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 26/11/2021 nguyên đơn ông Trương Ngọc Đ có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Nguyễn Bảo T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo Thụ lý vụ án cho bị đơn chưa đảm bảo thời hạn quy định tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự và chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Trương Ngọc Đ và bà Võ Nguyễn Bảo T chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà T, bị đơn cư trú tại Quận 11 nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019).

2. Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 26/11/2021 nguyên đơn ông Trương Ngọc Đ có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019) nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng bà Võ Nguyễn Bảo T không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt bà Võ Nguyễn Bảo T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019).

3. Về yêu cầu của đương sự:

a) Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế. Nguyên nhân mâu thuẫn do không phù hợp tính tình, vợ chồng không thể nói chuyện với nhau.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh: “Đương sự Võ Nguyễn Bảo T, sinh năm 1981, HKTT 80/28D đường L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh” Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mời các bên đến để hòa giải hàn gắn gia đình theo quy định; tuy nhiên, bà T không đến Tòa án là không có thiện chí đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, cũng như không có ý kiến phản hồi phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”.

Đối chiếu nội dung sự việc với các quy định của pháp luật thì việc ông Đăng yêu cầu ly hôn với bà T là có đủ cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ.

b) Về con chung: Vợ chồng chung sống chưa có con chung.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

d) Về án phí: Ông Trương Ngọc Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019);

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Ngọc Đ.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Ngọc Đ được ly hôn với bà Võ Nguyễn Bảo T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 113, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2011 không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung: Vợ chồng chung sống chưa có con chung.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trương Ngọc Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí: Ông Trương Ngọc Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0052958 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Đ đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (12).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Đoan Tiên

Quận 11, ngày 06 tháng 01 năm 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đoan Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Thanh Tịnh
2. Bà Nguyễn Ngọc Thảo

Vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với Vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 228/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trương Ngọc Đăng, sinh năm 1980; địa chỉ: 242/17A đường Bùi Viện, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Võ Nguyễn Bảo Trân, sinh năm 1981; địa chỉ: 80/28D đường Lãnh Binh Thăng, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, qua việc xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Ngọc Đăng.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Ngọc Đăng được ly hôn với Võ Nguyễn Bảo Trân.

Giấy chứng nhận kết hôn số 113, quyển số 01/2017 do Ủy ban nhân dân phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2011 không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung: Vợ chồng chung sống chưa có con chung.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trương Ngọc Đăng xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí: Ông Trương Ngọc Đăng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0052958 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Đăng đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Việc nghị án kết thúc vào lúc 09 giờ 30 phút cùng ngày.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Đoan Tiên